

Số: /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày

tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 193/BC-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ bảy (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025. / 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách đối với phần ngân sách địa phương được hưởng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã), đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Phải đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; đảm bảo phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

2. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh và hỗ trợ các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) chưa cân đối được ngân sách.

3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

4. Việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% *(bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)*

a) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng)

a.1) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

a.2) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh quản lý thu.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

b.1) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

b.2) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh quản lý thu.

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)

c.1) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

c.2) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh quản lý thu.

d) Thuế tài nguyên

d.1) Thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

d.2) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh quản lý thu.

đ) Thuế bảo vệ môi trường;

e) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

g) Lệ phí các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện và do Thuế tỉnh quản lý thu; lệ phí trước bạ do Thuế tỉnh quản lý thu;

h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện (không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động); phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật; số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

i) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý;

k) Thu tiền sử dụng đất, thu tiền cho thuê đất

k.1) Từ việc đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất đối với diện tích đất do nhà nước thu hồi khi sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà trong đó tài sản trên đất được hình thành từ nguồn ngân sách tỉnh hoặc do Trung ương chuyển giao về cho tỉnh quản lý, xử lý;

k.2) Từ nguồn nhà đầu tư tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được ngân sách cấp tỉnh hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

l) Thu tiền sử dụng đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện (không bao gồm thu từ các khu tái định cư);

m) Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của các đơn vị do Thuế tỉnh quản lý thu và thu tiền cho thuê đất từ các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

n) Thu từ hoạt động xổ số;

o) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu;

p) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

q) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định;

r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của Trung ương cấp phép phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép;

s) Thuế thu nhập cá nhân do Thuế tỉnh quản lý thu;

t) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; ủng hộ, huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh;

u) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh;

- v) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;
- x) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang;
- y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

2. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế)

- a) Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm các khoản thu quy định tại điểm k, điểm l khoản 1 Điều 4 và điểm m khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này);
- b) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế cơ sở quản lý thu;
- c) Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế cơ sở quản lý thu;
- d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế cơ sở quản lý thu;
- đ) Thuế tài nguyên thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Thuế cơ sở quản lý thu;
- e) Lệ phí trước bạ do Thuế cơ sở quản lý thu;
- g) Thuế thu nhập cá nhân do Thuế cơ sở quản lý thu.

(Có Phụ lục kèm theo)

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế):

- a) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- b) Phí, lệ phí do cấp xã thực hiện và do Thuế cơ sở quản lý thu (không bao gồm các khoản phí, lệ phí đã quy định tại Điều 4 Nghị quyết này);
- c) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện;
- d) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý;
- đ) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;
- e) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã quyết định;

h) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

i) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật;

k) Các khoản ủng hộ, huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp xã;

l) Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của các đơn vị do Thuế cơ sở quản lý thu theo địa bàn các xã, phường (không bao gồm các khoản thu quy định tại điểm i, điểm k, điểm m khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này);

m) Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất từ nguồn nhà đầu tư tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được ngân sách cấp xã hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp;

n) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

o) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang;

p) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

Chương III **PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI**

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội do tỉnh quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công;

d) Chi đối ứng, chi trả nợ gốc, lãi, phí các khoản vay thực hiện các Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh;

đ) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình;

g) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên theo phân cấp trong các lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh

a) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề; y tế; đảm bảo xã hội; thể dục, thể thao; văn hóa thông tin; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo vệ môi trường; các hoạt động sự nghiệp do tỉnh quản lý, bao gồm:

a.1) Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú; trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các hoạt động giáo dục khác;

a.2) Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

a.3) Chi phòng bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, các cơ sở y tế như trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa tuyến cơ sở, y tế thôn bản và các hoạt động y tế khác;

a.4) Các trung tâm xã hội, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng, chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

a.5) Bảo tồn di sản, các hoạt động bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu bóng và các hoạt động văn hóa khác;

a.6) Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

a.7) Bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, tổ chức các giải thi đấu cấp tỉnh và cấp quốc gia, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

a.8) Phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

a.9) Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh, truyền hình;

a.10) Các hoạt động sự nghiệp du lịch, gia đình.

b) Các hoạt động kinh tế do tỉnh quản lý, bao gồm:

b.1) Lĩnh vực giao thông: Công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất công trình đường bộ;

b.2) Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi và lâm nghiệp; duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, công tác khuyến nông, khuyến lâm; chi khoan nuôi, bảo vệ, phòng, chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

b.3) Hoạt động kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, các sự nghiệp thị chính khác;

b.4) Hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường, bao gồm:

b.4.1) Quản lý đất đai: Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề; lập, chỉnh lý bản đồ địa chính; thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ giá đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có); xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai;

b.4.2) Đo đạc bản đồ và viễn thám: Các hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám (thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp cơ sở, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng); đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám trên địa bàn tỉnh;

b.4.3) Địa chất và khoáng sản: Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do cấp tỉnh quản lý; khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền; lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản do cấp tỉnh quản lý;

b.4.4) Tài nguyên nước: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn tỉnh; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn; xây dựng và duy trì hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước; xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi địa phương quản lý; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp do cấp tỉnh quản lý; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;

b.4.5) Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu: Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai do cấp tỉnh quản lý; giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

b.4.6) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

b.4.7) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc bản đồ và viễn thám, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, chi khác (nếu có) do cấp tỉnh quản lý.

b.5) Các hoạt động kinh tế khác.

c) Các hoạt động sự nghiệp khác do tỉnh quản lý;

đ) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phân giao cho cấp tỉnh quản lý theo quy định; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách Trung ương;

e) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp tỉnh;

g) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

h) Chi đảm bảo xã hội, chi thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

i) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan thuộc tỉnh thực hiện;

k) Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập;

l) Trợ giá theo chính sách của nhà nước;

m) Các hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác các khoản vay theo quy định của pháp luật.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

5. Chi viện trợ theo quy định của pháp luật.

6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.
7. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.
8. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.
9. Các khoản chi khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.
10. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển
 - a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của tỉnh;
 - b) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công;
 - c) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn ủng hộ, huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án cụ thể theo quy định của pháp luật do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;
 - d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp xã và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp xã;
 - đ) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.
2. Chi thường xuyên
 - a) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề do cấp xã quản lý;
 - b) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin; thể dục, thể thao; phát thanh, truyền hình và các hoạt động văn hóa thông tin khác do cấp xã quản lý;
 - c) Chi ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý;
 - d) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý;
 - đ) Các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, bao gồm: Lĩnh vực giao thông; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; tài nguyên; kiến thiết thị chính; duy tu, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng thủy lợi, chợ và các hoạt động kinh tế khác được phân cấp quản lý;

e) Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội: Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi do ngân sách xã bảo đảm theo quy định; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi ngân sách xã bảo đảm theo quy định của pháp luật; chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo chế độ quy định;

g) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;

h) Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định của pháp luật; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

i) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các đối tượng theo chế độ quy định;

k) Chi thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã quản lý;

l) Chi hỗ trợ hoạt động, phụ cấp cho các đoàn thể, các đối tượng ở xóm, thôn, bản, tổ dân phố theo quy định;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách cấp xã năm sau.

4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

5. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

6. Chi trả gốc, lãi, phí các khoản vay thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp xã.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực VII, Thuế tỉnh Thái Nguyên, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Phụ lục
CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
1	Thu tiền sử dụng đất		
-	Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	90	10
-	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở; thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị thực hiện lựa chọn nhà đầu tư được tiến hành thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu		
+	Phường Phan Đình Phùng; phường Quyết Thắng; phường Tích Lương; phường Linh Sơn; phường Quan Triều; phường Bách Quang; phường Phổ Yên; phường Trung Thành; phường Vạn Xuân; phường Sông Công; xã Thành Công; xã Diềm Thụy; xã Kha Sơn; xã Đại Phúc	70	30
+	Xã Đại Từ; xã La Bằng; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; xã Phú Bình; phường Gia Sàng; phường Bá Xuyên; phường Phúc Thuận; xã Đồng Hỷ; xã Tân Thành; xã Phú Lương;	60	40
+	Các xã, phường còn lại	50	50
-	Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn các xã, phường	10	90

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt) do Thuế cơ sở quản lý thu		
-	Phường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, phường Gia Sàng, phường Bách Quang, phường Tích Lương, phường Vạn Xuân, phường Linh Sơn, phường Sông Công, phường Trung Thành, phường Quan Triều, phường Phở Yên	80	20
-	Các xã, phường còn lại		100
3	Lệ phí trước bạ do Thuế cơ sở quản lý thu		
-	Phường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, phường Gia Sàng, phường Bách Quang, phường Tích Lương, phường Vạn Xuân, phường Linh Sơn, phường Sông Công, phường Trung Thành, phường Quan Triều, phường Phở Yên	80	20
-	Các xã, phường còn lại		100
4	Thuế thu nhập cá nhân do Thuế cơ sở quản lý thu		
-	Phường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, phường Gia Sàng, phường Bách Quang, phường Tích Lương, phường Vạn Xuân, phường Linh Sơn, phường Sông Công, phường Trung Thành, phường Quan Triều, phường Phở Yên	80	20
-	Các xã, phường còn lại		100